TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

.

Bản án số: 31 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Khu 14, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1993;

ĐKHKTT: Khu 14, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở: Khu 13, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Thanh T thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 30/12/2013 tại UBND xã P, huyện Thanh Thủy (nay là xã V). Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng mới đầu hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hiểu nhau và không có chung quan điểm sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/9/2016. Cháu V đang ở với anh tại khu 14, xã V. Cháu T đang ở cùng mẹ tại khu 13, xã X. Anh đề nghị anh được quyền nuôi cháu Nguyễn Quốc V, chị H được quyền nuôi cháu Nguyễn Bảo T. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, về tài sản đi vay, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai và tại Biên bản hòa giải ngày 07/6/2021, Bị đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Nguyễn Thanh T đã trình bày. Anh T đề nghị ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/9/2016. Ly hôn,chị H cũng đề nghị anh T được quyền nuôi cháu Nguyễn Quốc V, chị được quyền nuôi cháu Nguyễn Bảo T. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Tuy nhiên về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị không nhất trí như anh T trình bày. Chị đề nghị giải quyết dứt điểm về tài sản, công nợ, gồm:

Về tài sản chung: Anh T và chị có các tài sản sau: *Các tài sản chung do anh T quản lý gồm:* 02 xe máy gồm: 01 xe Yamaha Sirius biển kiểm soát 19L1-19006 và 01 xe Honda Wave màu xanh. (Hiện xe Honda Wave anh T đã bán); 01 tivi sony 40 inch mua năm 2015; 01 điều hòa Media 9000 mua năm 2018; 01 máy giặt 7kg mua năm 2015; 01 máy lọc nước Hoa Sen mua năm 2015 do anh T đang quản lý; 01 bình nóng lạnh mua năm 2019; 01 tủ nhựa. *Các tài sản do chị đang quản lý và đã mang về khu 13, xã X gồm:* 01 tủ lạnh Funiki mua năm 2016; 01 tủ quần áo; 01 tủ nhôm kính. *Về nợ chung:* Trước đây vợ chồng chị đã trả nợ trước đó 100.000.000đ vay ngân hàng và vay ngoài. Ngoài ra anh chị có khoản nợ chung gồm: Vay 62.000.000đ triệu (Sáu mươi hai triệu đồng) gồm: 50.000.000đ để vay kinh doanh, 12.000.000đ vay nước sạch và khoản tiền tiết kiệm 5.000.000đ (Năm triệu) đóng tại Quỹ hội nông dân tập thể thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Thanh Thủy. Chị đề nghị Tòa án chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H thay đổi quan điểm: Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị đề nghị được tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân, Hội liên hiệp Phụ nữ và Công an xã V: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 30/12/2013 tại UBND xã P, huyện Thanh Thủy (nay là xã V). Vợ chồng anh T, đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/9/2016. Anh T, chị H và cháu V, cháu T đều đăng ký hộ khẩu tại: Khu 14, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Chủ hộ là anh Nguyễn Thanh T). Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh T và chị H sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, anh T và chị H đang sống ly thân, năm 2020 chị H đã đưa cháu Nguyễn Bảo T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại Khu 13, xã X, huyện Thanh Thủy để ở. Còn cháu Nguyễn Quốc V đang ở với anh Nguyễn Thanh T. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Cho anh T được ly hôn chị H;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do các bên đều không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Nguyên đơn và Bị đơn đều cư trú tại huyện Thanh Thủy, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều đã có lời khai, được tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Tuy nhiên khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện chị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu 14, xã V, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị H ngày 30/12/2013, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã P (nay là xã V), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng hiện nay sống ly thân, không còn thực tế chung sống. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị được ly hôn, chị H cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh T, chị H xác định vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/10/2014 và cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/9/2016. Cháu V đang ở với anh tại khu 14, xã V. Cháu T đang ở cùng mẹ tại khu 13, xã X. Quá trình giải quyết, anh chị đã thỏa thuận về con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét, cần giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu V đến khi

thành niên; giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu T cho đến khi thành niên là phù hợp.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau vì không ai yêu cầu

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H đề nghị được tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh T cũng không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh T, chị H chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu V thành niên;

Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 30/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh T, chị H chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu T thành niên;

Anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000730 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Lâm **Đoàn Hồng Canh** **Phạm Thị Hồng**